

TRITÂN

TẠP CHÍ

知新
雜誌

Giá 1\$20

Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm thứ nhất

Ung hộ cuộc kháng chiến của Giải phóng quân Việt L
Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam

Ênh-thần thượng võ

Ung hóc NGUYỄN-VAN-TỔ

NƯỚC Nam ta lập quốc đã lâu (2879 trước T. C.), không hề hơn hai nghìn sáu trăm năm của họ Hồng-bàng, là đời đã xa. Kể ngay trong khoảng hơn nghìn năm Bắc-thuộc (207 tr. T. C. đến 905 sau T. C.) Nước ta đã có các vị anh - hùng anh - thư đứng lên chống cự những cuộc sách quận - huyện và đồ hộ đồ giữ lấy giang - sơn, như Hai bà Trưng (40-42 sau T. C.), Lý Nam đế (541-602), Mai Hắc-đế (722), Bồ-cái đại vương (791), đều là những bậc xây nền đắp móng cho tương-lai, công nghiệp các vị ấy đã nhiều lần nói trên báo, nay không phải kể lại nữa, chỉ xin nhắc đề độc giả nhớ rằng dân ta đã biết trọng quyền độc-lập từ hai nghìn năm nay, mà tinh-thần thượng-võ cũng đã cao lắm. Tuy đời Tần có lập mưu tỵ-dân và các đời Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, đem những thi-thư, lễ-nạp giáo-hóa, gieo giắc sang ta, là có ý làm cho ta đồng-hóa, như một quận của đời Tần đời Hán, nhưng dân ta vẫn y nhiên quốc tính, thì đã biết cái tinh-thần độc-lập không thể lấy cường - quyền mà áp - chế được.

Lại kể từ đời Ngô (939-965) đời Lý (968 - 979) trở xuống, gần nghìn năm, nền độc lập được tiếp vững-vàng, đều là nhờ ở

cái tinh-thần thượng-võ của dân ta, trình độ càng ngày càng cao, dân-khí càng ngày càng mạnh; Xem như đời Ngô giết được quân Nam Hán ở sông Bạch-đăng, đời Lê-dại Hành đánh được quân Tống ở Ai-Chi-lăng, đời Lý sang tận đất Tống hãm luôn ba châu, lại mở bờ cõi phía nam, đời Trần giết được quân Nguyên, Lê-Lợi đuổi người Minh ra khỏi nước, Nguyễn - Huệ chôn quân Thanh ở gò Đống-đa, đời Lê lại mở thêm về phía nam đến hết nước Chiêm thành. Những võ-công oanh-liệt ấy, đều nhờ ở cái tinh-thần thượng-võ của dân ta, nếu không thì lấy gì mà đứng cạnh một cường-quốc đến mấy nghìn năm nay, mà lại còn làm dân anh được các nước phía nam nữa.

Vào khoảng hơn tám mươi năm nay, nước ta bị người Pháp xâm chiếm, dân ta từ bấy giờ lại mắc phải cái ách không khác gì ách quận huyện đời Hán và ách đồ-hộ của đời Đường. Nhưng cái tinh-thần của dân ta vẫn mạnh, cá chí khí của dân ta vẫn bền, cho nên mới có những truyện chép lại ở trong sử sách mà tôi dịch ở dưới đây. Truyện chép bình thường, vẫn viết dẫn-di, ấy thế mà cũng được to lớn lắm, vì lối chép sử của ta, một chữ cũng đã khen chê, không phải tỉ-mỉ như lối bây giờ. Vì nào được

chép vào sử, ghi tên vào đền thờ là những vị trung thần nghĩa-sĩ cả. Nếu đời Pháp mới sang ai ai cũng một lòng vì nước quên mình như thế, thì chắc là cái cuộc Pháp thuộc phải xoay ra tình-thế khác...

Cách độ sáu năm nay (1939) bên Tây có cuộc Âu-chiến kinh-thiên động địa, là một việc rất « may » cho nước ta, vì cơ-hội ấy mà nước ta có hy-vọng giải-phóng, độc-lập. Người Nhật đem quân đến đóng ở Đông-dương, một là làm nơi căn-cứ để đi đánh các nước xung-quanh, hai là chặn đường cứu-viện của các địch-quốc. Người Pháp vì yếu-thế hoặc vì hèn-nhát, phải chịu để cho quân Nhật hoành-hành như đến một nước bị đầu hàng, dân ta bấy giờ thành ra « một cò hai chồng » : một đảng thì bị thu thóc, một đảng ruộng cấy lúa trông ngô đang tốt, bắt phá đi để trồng đay, thầu dầu... cái tình-cảnh khê-sở ấy đồng-bào ta ai ai cũng biết.

Nhưng ở bên Tây, nước Đức bị thua, người Pháp ở Đông-dương âm-mưu để chống-cự người Nhật, cho nên người Nhật mới cướp chính-quyền ngày 9 tháng 3 năm nay. Sau khi người Nhật lấy của người Pháp, cho

đồn lên rằng « nước Nam độc lập » nhưng người Nhật không thật lòng, tay có giao chính-quyền cho ta, mà vẫn giữ việc cốt yếu. Dân ta tự-biết những hành-vi như thế, không khác gì đòi chủ, cho nên mới nổi lên đánh lại người Nhật. Trong khi ấy, người Nhật thua Đồng-minh, phải đầu hàng. Bởi vậy, mới có cuộc đảo-chính thứ hai vào ngày 19 tháng 3 năm nay. Lần này thì ta mới thật là độc-lập, không phải có người cầm đầu ngầm-ngấm ở trong nữa.

Nhưng vì Nhật đầu hàng Đồng minh mà lại đóng quân ở Đông-dương, nên Đồng-minh mới chia người Tàu sang trước khi-gửi quân Nhật ở Bắc-bộ Việt-nam người Anh sang trước khi-gửi ở Nam-bộ Việt-nam.

Nhân cơ-hội ấy người Pháp nhờ người Anh cầm đầu để hy-vọng trở lại chiếm cứ Việt-nam một lần nữa, mà người Anh lại vẫn giữ cái chính-sách thực-dân, cho nên người Anh cũng đỡ đầu cho Pháp để sinh sự đánh nhau với quân ta. Bắt đầu khởi sự từ ngày 23 tháng 9 vừa rồi. Quân-sĩ Anna lại bắt ép người Ấn, người Nhật rợ lực, người Pháp, thổ là dân Nam ta phải chống cự với quân bốn nước !

Đã sau năm nay, nước Anh nước Pháp vẫn nói rằng « chiến-dấu vì tự-do », nay người Anh lại đàn-áp phong-trào tự-do của Đông-dương và Nam-dương, ngang nhiên làm rối cuộc hòa-bình, không còn coi cái quyền dân-tộc tự-quyết vào dân cả.

Cho nên đồng bào ta nhất-dịnh chống-cự những hành-vi ấy, kháng-cha đến cho đến cùng, ai ai cũng một khẩu-hiệu « không được tự-do, thà chết còn hơn ».

Nghe tin trong Nam-bộ, Anh, Pháp Ấn, Nhật có nhiều những cử-chỉ hung tàn, mà dân ta vẫn không hề nản chí, ai ai cũng nghĩ rằng đã được giải phóng ra ngoài vòng, thì không khi nào lại chịu mắc vào cái ách thứ hai nữa. Chỉ phẫn-dấu và chiến-công oanh liệt của đồng-bào Nam-bộ ta hệt là xứng-dáng với những trang sử vẻ vang của các bậc tiền bối.

Nhà ngày « Toàn-quốc kháng chiến » là ngày 5 tháng 11 dương lịch, nhà nào cũng treo cờ, giăng giấy, căng bèn đề hai khẩu-hiệu : « Cương quyết đánh độc-lập » và « Ủng-hộ cuộc kháng - chiến anh - dũng của đồng-bào Nam-bộ », tôi dịch mấy truyện dưới này để mặc-mem những chiến-sĩ đã quên sinh vì nước.

Trừ mấy truyện như « Plan-thanh-Giản, Nguyễn-tri-Pương, Hoàng Diệu, nhiều người đã biết, còn toàn là những truyện chưa ai dịch ra quốc-ngữ, mà truyện nào cũng có dính đến người Pháp khi mới sang ta : Người thì đánh Pháp tử trận, người thì bị bắt không phục mà chết, người thì quân Pháp bảo không nghe mà tự tử, y như đồng-bào trong Nam đang hy-sinh để giữ lấy quyền độc-lập, tự-do cho đất nước.

Lê-Sĩ, Người Tày Paong-lộc, tỉnh Quảng-bình, lúc đầu do

chấn anh-danh (cũng như Kim-tê bên vãn) được phái đi theo quân vua Trấn-tây. Năm 1842 bỏ xuất-đội, vì có nhiệm công được thăng thành-tiểu-úy, sung chức hiệp-quản Quảng nam. Năm 1848 thăng phó vệ úy dần dần thăng lĩnh-binh tỉnh Ninh-bình. Năm 1859 sung chức đốc-binh quân thứ Quảng nam. Năm 1861 lĩnh phó-đề đốc Biên hòa, rồi triệu về kinh thự chức chương-vệ quền coi tất cả sự triệu vệ tả-dự định vũ-lâm kèm quản các vệ kinh tượng. Năm 1863 lĩnh tuần phủ Thuận-Khánh (Bình-thuận và Khánh-hòa). Năm 1865 thăng chương-chương vệ coi vệ hữu được diakh vũ lâm. Năm 1868 Đoàn Trưng phạm vào cung quyết Lê-Sĩ đem quân bản bộ chặn bắt đảng giặc, có công được thăng tước-chức dinh Vũ-lâm phòng tước kinh đông nam, gia thưởng bài vàng nền vàng, rồi do ban hàm được quyền coi hữu quân lại kiêm quản vệ thượng tứ. Năm 1871 thự chức an-quân đô thống. Năm 1883 thăng hữu quân đô thống đem quân giữ thành Trấn-uả ở Thuận-an mùa thu năm ấy nước Pháp đem thuyền quân lại đánh, Lê-Sĩ cùng tước-chức Lê-Chuân, phó-phòng-luyện Lâm Hoảng chia quân chống cự, găng nhau suốt hai ngày, tiếng súng không ngớt, quân Pháp bên chia quân xông những thuyền ván nhỏ đi vào bờ, từ sau đường Thai-dương đánh úp vào thành, thành bị hãm, Lê-Sĩ và Lê-Chuân cùng Lâm-Hoảng, chương vệ Nguyễn-Trung đều tử trận (kể về địa Đại-Nam liệt truyện nhị tập, q. 35, tờ 1 a đến 2 a).

(Xem tiếp trang 12)

ĐÃ TIN ĐIỀU TRU'Ó'C

KIẾN-XƯƠNG



Ở phương diện xã hội, nhiều người thiếu một não sét đoán. Bằng mấy cái quan niệm thô sơ, và dẫn lược, của nho học như cùng, thông, biến, và trị loạn, cùng một ít kinh nghiệm cũng thô sơ và dẫn lược không kém, rút ở cái lịch sử trăm-trọng và căn cội Á đông, nhiều kẻ đã hoang mang trước cuộc biến của xã hội đương thời cho chuyện xã hội như một mớ bòng bong, may ai nấy được, đến ai nấy thua, chẳng ra nghĩa lý gì, không biết đảng nào mà tin tưởng và hành động, hay có tin tưởng và hành động thì cũng chỉ đến: thấy to bụng thì sợ, hay dò dàu đánh dấy.

Sự thực, việc xã hội không đến như thế. Với khoa học, người ta đã chứng tỏ rằng xã hội cũng như sinh vật, cũng như vạn vật, đều tiến triển, phát triển theo những luật lệ nhất định và có hệ thống rõ ràng.

Đọc lịch sử, xin các bạn đừng có đứng phương diện chủ quan, nghĩa là đừng có chú ý tỉ mỉ xem họ nào đã làm vua họ nào đã làm quan, ông nào đã anh hùng, ông nào đã trung nghĩa. Trong cuộc phát triển lớn lao của nhân loại, lịch sử đã tỏ rằng những việc hưng vong thành bại của các triều đại

chẳng qua là chuyện vụn vặt cá nhân như thân phận con xe, con tốt trong bàn cờ. Sự đáng chú ý là cái đại thể của toàn cuộc cờ, cái hình thức phổ biến tiến triển của cả đại khối dân chúng trong lịch sử.

Cho nên, không nhận sét (Leo năm tháng hay triều đại, khoa xã hội học mới đã phân chia lịch sử, theo cái tính thức tổ chức của nhân loại, — về các phương diện kinh tế, chính trị, sinh hoạt, tư tưởng — ra làm mấy giai đoạn chính: nguyên thủy, bộ lạc, phong kiến, tư bản v. v. ... Những giai đoạn ấy kế tiếp nhau theo những điều kiện nhất định về thực tại và giai đoạn sau đã thay thế trong giai đoạn trước để lại di tích nó đi mà tiến lên, rồi lại thay thế ra một giai đoạn tương lai. Thực không khác trong sinh vật giới; sinh vật có sinh sản, và mỗi khi sinh sản dễ nổi giới, lại là tự hủy cái bản thể hiện tại của mình.

Lịch sử mấy nghìn năm của ta đến cuối thế kỷ thứ 18 hầu còn hoàn toàn trong chế độ phong kiến rồi tiếp xúc với Tây dương, tác ảnh thực dân khốc liệt, ta được ném ít mùi đắng cay của cái xã hội tư bản.

Gặp phong hội mới, guồng máy xã hội đã quay theo một đà khác, và càng ngày càng tỏ

ra bị giằng buộc chặt chẽ trong mối tương quan quốc tế. Bao nhiêu chuyện đã xảy ra ngoài sự suy tính khôn ngoan hay vụng dại của người đương cục, Tây đến, Tây đi, Nhật sang, Nhật bại, tất cả bấy nhiêu việc đã phổ diễn ra, một cách tàn nhẫn tiền định, ngoài sức người có thể lường mong muốn làm cho ta càng hiểu cái luật tiến-triển chặt chẽ của nhân loại.

Trong khi một số người hoang mang như vậy, vì không nhận định được cái trào lưu tiến hóa ấy, đã như anh đánh bạc sai nước, ngồi dằn quàng xiên bậy bạ, hay khoan tay chán nản, thì vẫn có những phần tử sáng suốt, hấp thụ được cái não suy diễn khoa học, đã tiên đoán, và dám đem cả tính mệnh thân thể mà đánh cuộc với tất cả những sự thực sẽ xảy đến và phải xảy đến. Với cái não suy diễn ấy, thì những sự kiện lịch sử đó là tất nhiên cả, tất nhiên một cách tàn nhẫn chặt chẽ như số tiền đình, vì chính nó là cái luật tiền định khoa học của lịch sử. Việc võng quốc cuối thế kỷ 18 cũng là tất nhiên, cũng như năm trận đại chiến 1914-18, trận đại chiến 39-45, cùng với — trong thời gian ấy — bao nhiêu cuộc chiến trong nước và ngoài nước, những việc chiến tranh Hoa Nhật và Pháp Nhật v. v. tất cả hay nhiều việc đó là tất nhiên cả. Trong lúc Pháp mạnh đã tận kiệt được việc Nhật sẽ đến, trong lúc Hoa bại đã tiềm

đoán được việc Nhật sẽ thua v.v. cũng đều căn cứ ở cái luật tiến hóa chặt chẽ của lịch sử.

Bây giờ đây, cuộc chiến tranh diệt Phát Sít đã kết liễu, đường lối tương lai của nhân loại hiện ra rõ ràng minh bạch, lớp sáng sau cuốn lên rồn rập, một mặt trận dân tộc giải phóng đang bùng bùng nổi dậy đè lòi cuốn một phần nhân loại theo cho kịp một giai đoạn xã hội mới nguy nga sán lán đã thành hình trên một phần thế giới hiện thời. Cái hiện tại của một xã hội người thống trị người, và người bóc lột người đang tự nó phải thối nát và tàn rữa đi, và cái tương lai của xã hội tốt đẹp tươi trẻ hơn đã dần thắp đủ ngày, chỉ còn một chút chờ đợi, một chút cố gắng, thì giờ thoát lý, giờ giải phóng, giờ thành công đã nở như sấm vang đề báo hiệu cho cả nhân loại, cả không gian lẫn thời gian và mở đầu cho một giai đoạn lịch sử mới mẻ nguy nga mà bất diệt.

Cái trào lưu lịch sử ấy nó chảy xuôi cuộn cuộn, lãnh đạm, vô tình, cay nghiệt, không có thương gì những chế độ hiện tại đang tàn rữa, và cũng không phải có vị gì những thế hệ chớm nở tương lai song đứng phương diện chủ quá, chúng ta là đồng người muốn sinh tồn thì phải tiến lên, chúng ta cũng bắt buộc như Yên Ly trước khi đâm Khánh Kỳ còn soay người để đón theo làm gió cho mũi giao thêm mạnh, chúng ta phải — ồ là sự dĩ nhiên — lướt theo đà cái trào lưu ấy mà diệt cho tan những mối

hăm tử phản động. Việc sấm lược ở Nam Bộ chẳng qua chỉ mới là một, trong cuộc vận. lộn gay go, máu sắt đang nhào lặn lửa chiến đấu ngàn người trong bụi t. quân, đang thúc dục, xô đẩy người ta tiến tiến — vui vẻ, hăng hái reo hò, coi cái chết như không, thù vẫn còn một chút cái bản năng bảo tồn khiến ta ngần ngại, ngơ ngác và tự hỏi một cách ngay thơ làm sao cuộc chiến ấy đã có và chưa kết liễu. Sự ng. binh tiến, các bọn hồi tưởng lại cái không khí hơn tháng đây về trước, sau một cuộc mà chúng ta đã hình như thấy nhạt nhẽo thiếu thốn. Khiến có người đã phải thốt ra: Máu chiến sĩ chưa được thỏa mãn, và cuộc chiến không nguy hiểm thì thắng không vẻ vang. Những người ấy đã cảm thấy sự khuyếch diệm của lịch sử, và vô ý thức họ đã dự đoán được cuộc gay go trong hiện tại cho nên có lạ gì? Việc đã xảy ra và sẽ xảy ra. Nếu chịu suy siển một cách thiết thực hợp lý, ta có thể nhận trước được tương lai cũng khá rõ rệt, năng phản động lực đã xảy đến với ta là tất nhiên cả, và cũng tất nhiên như cuộc chiến thắng, cuộc hành công rồi sẽ phải đến một cách rực rỡ, chắc chắn. Đừng vội thấy to bụng mà sợ, cũng đừng vội đem đồ đen mà suy lý, đều phải chú ý hơn cả, là đi làm sao sát và đúng với trào lưu. Đây là cái lực lượng phi thường mãnh liệt, quyết định chung cho lịch sử và nhân loại,

cái lực lượng vô hình song lớn lao vô cùng đã bảo vào mặt những bọn sấm lược cùng binh độc vô cũng như đã nhủ vào tai những lớp người nhỏ yếu, song đang cố vươn lên đề tiến tới những lời bất hủ: « Thuận ngã giả vương, nghịch ngã giả vương ».

Tình hình quốc tế không lúc nào như bây giờ đang gấp rút quan' thiết, cái guồng máy tiến triển trong đây lát có thể tiến nhanh hơn một kỷ, trận gió lớn từ phương xa đang cuộn lại, chúng ta, các dân tộc phải tiến, hay rứa mình đón lấy, dù tàn tật như Yên Ly, bất thuận gió đã một giao phóng tráng mà giết được tay kiết liệt là Khánh Kỳ, thì chiến sĩ ủa ta, đầy sinh lực, chiến sĩ bọp hôm nay, đề tiến thẳng vùng vẫy ngang tàng ở ngày mai, lại được cả một trập lưu vô cùng lớn lao, mãnh liệt dun đầy, nâng đỡ, cả một thế hệ chiến sĩ hớn ngang ấy, có ngại gì cái thế lực sấm lược thoái hóa sắp tàn. Ngày nay và tương lai cũng của chúng ta cuộc kháng chiến phải thành công, vì chúng ta lớp người của tương lai thế và lịch sử cả hiện tại và tương lai cũng định thế. Đoàn kết lại đề hôm nay kháng chiến và ngày mai ca hát. Chúng ta quyết chiến, chúng ta quyết thắng, chúng ta quyết sống! Ánh bình minh đã rạng sáng, cả một thế gian mới tung bùng đang chờ đợi và đón gọi.

KIẾN-XUỐNG

BÀI DIỄN VĂN

CỦA ÔNG TRẦN HUY LIÊU

Bộ trưởng bộ Tuyên truyền

Hỡi anh chị em đồng bào :

Muôn ngàn năm vận mệnh của dân tộc Việt Nam ta chỉ định đoạt trong giờ phút này. Lịch sử đã đưa nước ta đến một giai đoạn quyết liệt mà trai, gái, già, trẻ giàu, nghèo, lương, giáo đều nhận thấy một cách rõ ràng.

Chiến đấu thì sống, không chiến đấu thì chết; đoàn kết thì còn, không đoàn kết thì mất.

Cái gương tranh đấu ấy, anh chị em đồng bào ở Nam Bộ đã nêu cao. Chúng ta có thể nói rằng chúng ta không hề thẹn với ông cha chúng ta từ mấy nghìn năm trước đã từng chiến đấu cho nền độc lập của nước nhà. Với những trận đánh vô cùng anh dũng như trận Thủ ngự, trận Xuân Lộc mà Vệ quốc quân ta đã đánh lui nhưng liên quân Pháp-Ấn-Anh-Nhật có chiến sự tối tân với những chiến sĩ ta tự đối minh để đòi kéo dài, tự mang tác dụng vào trận chiến, những can đảm vô song ấy, chiến-công oanh liệt ấy, rên thế giới cũng rất hâm mộ và đã tỏ ra cho họ biết rằng dân tộc Việt Nam dù sinh thần đồ đồ giết máu cuối cùng mà giữ vững nền độc lập cho đất nước.

Hỡi anh chị em đồng bào,

Chúng ta phải nhận rõ Tổ quốc ta đang lâm vào một cảnh rất khó khăn. Một mặt thực-dân Pháp núp sau quân đội Anh, Ấn, Nhật đương tấn công ráo riết ở các tỉnh miền Nam; một mặt nạn đói kèm đương hăm dọa ở các tỉnh miền Bắc. Và rồi đây còn bao nhiêu biến thiên sẽ xảy ra, bao nhiêu trở lực còn chông chắt trên đường giải-phóng của dân tộc chúng ta.

Nhưng lịch sử đã cho chúng ta thấy trải qua bao nhiêu thời đại, dân tộc Việt-Nam, trước cuộc sinh, tử, tồn vong của đất nước, đều vùng đứng dậy, hàng trăm người như một người, hàng vạn người như một người, hàng trăm triệu người như một người, đều vượt bỏ tất cả tina mệnh, cả tài sản, vượt đến cả thành kiến, tự ý, tểu khí, đề, cùng nhau lên cánh chen vai, xông ra giết giặc cứu nước. Cái tinh thần đoàn kết, cái trí-khí quật-cường, cái tiết tháo hy sinh ấy, hai tháng vừa qua đã bộc phát một cách hùng hồn vô cùng, cảm động vô cùng. Tôi tin chắc rằng cái tinh thần, cái chí khí, cái tiết tháo ấy trong những ngày thử thách gay go sắp tới đây, sẽ bùng nổ lên một cách mãnh liệt hơn nữa, anh dũng hơn nữa.

Giặc Pháp đã làm một bài tính lầm khi tưởng rằng có thể

đưa vào thế lực quân bị và một nước khác là sẽ dễ bề gây tình thân tranh đấu của dân tộc ta. Sự thật đã cho chúng thấy rằng muốn lấy lại đất nước này phải đếm lên xương máu của 25 triệu người này.

Chúng ta lại nên nhớ rằng: Về phương diện quốc tế, trên trường tranh đấu, chúng ta không bị cô độc. Trong cuộc kháng chiến để giải phóng quốc gia, công lý và nhân đạo trên thế giới về phía chúng ta. Bao nhiêu cuộc bùng nổ của các dân tộc nhỏ yếu ở Nam dương quần đảo, Mã lai, Ấn độ, Liên phi, bao nhiêu cuộc biểu tình ủng hộ, bao nhiêu uyển các của các đoàn thể, các hình khách tại các cường quốc đã biểu lộ sự đồng tình với cuộc tranh đấu giành quyền độc lập của các dân tộc nhược tiểu như nước Việt Nam ta.

Chúng ta không thể tưởng tượng thế giới sau 5 năm chém giết như thế, rồi hãy gờ ngời nhìn một họa thực dân hung ác cuối mùa dương bớp cõ các dân tộc nước tiểu mà không một cường quốc nào lên tiếng cá hay sao? Trên trường quốc tế, tôi tin rằng thế nào cũng sẽ một cuộc can thiệp. Nhưng muốn có can thiệp có hiệu quả, chúng ta cần phải có thực lực kéo dài một trường kỳ kháng chiến.

Hỡi anh chị em đồng bào :

Trong trận chiến-tranh này, ch ếm một vài thành phố không đủ k ếm. Điều kiện thời gian quyết định tất cả. Ai bám giữ được lâu thì người ấy sẽ ch ếm được thắng lợi cuối cùng. Mà tôi tin chắc rằng đồng bào ta sẽ kháng chiến được.

(Xem tiếp trang 18)

Dịch thơ Anh

THE WAY TO WIN

CON ĐƯỜNG THỎ THẮNG

*Kính tặng chiến sĩ Nam Bộ
Đán-chủ Cộng-Hòa năm 1945
Thắng Quê Nhà.*

If you think you are beaten, you are;
If you think you dare not, you don't;
If you want to win, but you think you can't,
It's almost certain you won't;
If you think you will lose, you've lost;
For out in the world we'll find
Success begins with a fellow's will.
It's all in the state of the mind.

If you think you're outclassed, you are;
You've got to think high to rise;
You've got to be sure of yourself before
You ever can win a prize.
Life's battles don't always go
To the strongest or fastest man;
But, soon or late, the man who wins
Is the man who thinks he can.

Curtis Yorke.

Nếu mình sợ việc làm thất bại,
Thất bại rồi, còn phải bàn cãi.
Chưa leo đã sợ ngã què,
Ốm cây, nhường lại quả buô cho người.
Nếu mình muốn về đời tử thắng,
Hà lại lo tài chẳng bằng ai.
Khắc nào uốn một, thì hai,
Việc đời thô dễ cho người tay trơn.
Nam lay tả, cổ kim cũng một,
Chỉ quyết tài: theo chớt thành công
Bại than, thành bại cũng công,
Bằng như ý định, đừng trông ở người.
Ta an cuộc có tài bại tự,
Tức là ta tài chỉ lớn đời;
Tự mình phải đại trau người,
Mới mong mai hậu tuyệt với bay cao.
Lòng ự là, bước đầu sử thế,
Trước lo mình, sau sẽ nên công.
Trường đời bao cuộc trau hùng,
Cứ gì k ể ngại là mong an người,
Phải quyết được sau rồi phải được,
Không sợ thua, tự kẻ: không thua.
Những sự ngh ếp nghìn tu,
Là người tự tin có dư chỉ tài.

CACH CHỈ phiên dịch.

Vua Minh Mạng

VỚI VIỆC HỌC (1820 - 1840)

NGUYỄN THIỆU LÂN



ẤM Quí vị (1823),
tháng mười hai,
vua Minh Mạng
nhân bàn việc
học cùng Thi-

hần, dậy rằng:

« Có một ngày, ta chợt nhớ việc nhà Minh mà quên tên người, hỏi các người cũng không ai biết cả, tay chưa học sử Minh chẳng? »

Phan Huy Trác tâu rằng:

« Từ nhà Lê đến nay, học cử-nghiệp chỉ đọc sử Hán, Đường, Tống dễ mau đi thi mà thôi. »

Ngài ban rằng:

« Từ nhà Nguyên, nhà Minh đến nhà Thanh sáu bảy trăm năm mà từ nhà Tống trở lại đã thành ra xưa lắm, bỏ gần cần xa làm gì? »

Lại lời quan Thiêm-sự Lê Văn Đức:

Đức tâu rằng:

« Chúng tôi cũng học cử nghiệp mà thôi. »

Ngài ban rằng:

« Đã lâu nay văn cử nghiệp làm cho người ta lăm như thế. Ta nghĩ rằng văn chương vốn không nhất định: nay văn cử nghiệp thì cầu rệ lối hủ lậu mà khoe với nhau, mỗi

nhà lập riêng một cách học, nhân phẩm cao hay thấp, khoa trường lấy hay bỏ đều theo nếp ấy. Lối học như thế nên nhân tài ngày kém dần đi. Nhưng thói quen đã lâu, đổi ngay cũng khó, vài năm sau sẽ lần lần mà đổi lại. »

Theo sử hiệu chép ở trên ta nhận thấy rằng vua Minh mạng đã hiểu rõ là « văn cử nghiệp làm cho người ta lăm », mà lăm đã từ lâu, vì « chỉ cầu nề lối, hủ lậu mà khoe với nhau ». Lối học như thế có hại, vì « nhân tài ngày kém dần đi »; « nhưng thói quen đã lâu, đổi ngay cũng khó » nên Ngài dụ là « vài năm sau, sẽ lần lần mà đổi lại. »

Nhờ! dụ quý hoá thay!

Chính vua Minh mạng nhận thấy sự học của ta lăm, ngay năm Quí vị 1823, nghĩa là năm thứ tư triều Nguyễn. Sau này, Ngài còn trị vì mười bảy năm, nghĩa là thí dụ mà vua Triệu trị nổi ngôi, Ngài sẽ không như Ngài mà sửa đổi sự học từ trong mười bảy năm ấy, Ngài cũng sẽ có tuề cải cách được nhiều, sẽ bỏ lối học cử nghiệp « hủ lậu » và dẫn quốc dân ta lên con đường học

mới vậy. Nhưng sự học của ta có phải là duy tân từ đầu đời vua Minh mạng chẳng? Đó là điều nên xét.

Theo tài liệu ở trên, ta lại biết thêm một ít về ý Ngài: « Từ nhà Nguyên, nhà Minh đến nhà Thanh sáu bảy trăm năm mà từ nhà Tống trở lại đã thành ra xưa lắm, bỏ gần cần xa làm gì? » Ngài cho là học về kim thời đại Trung hoa mới có ích chứ học về cổ sử thời không có lợi gì cả. Xé ra, nhờ nói đó không phải là thật chí lý nhưng cũng không sai mấy.

Lời rất tiếc là không có tài liệu để khảo cứu về việc cải cách sự học trong đời vua Minh mạng.

Sự học « cử nghiệp » đời vua Gia Long « hủ lậu » như thế nào?

Sau năm Quí vị (1823), vua Minh mạng có cho cải cách sự học ấy không? Sự cải cách ấy như thế nào? Hiệu quả ra làm sao? Có lâu dài bền vững không? Gặp những trở lực gì?

Đó là những câu hỏi mà nhà khảo cứu phải giả思索

Trong bài này, tôi chỉ đem ra trình bày cùng bạn đọc vài tài liệu nhỏ nhặt có liên lạc tới sự học, còn vấn đề «vua Minh mạng với sự cải cách nền học của ta» thời sẽ nhờ nhà sử học khảo cứu cho.

Đề ý tới sự học, vua Minh mạng chắc, rất chú-trọng tới sự kén chọn quan vào dạy học ở trường Quốc-tử-giám. Sử chép là năm Giáp-thân (1824), tháng năm, «Ngài cho quan Lang-trung bộ Lại là Nguyễn công Trứ, Lang-trung bộ Lễ là Thân văn Quyền đều thọ chức Tư-nghiệp trường Quốc-tử-giám vì Hoàng kim Hoàn (không biết chức gì) tâu (như sau này): Hai ông ấy, một ông là khoa mục giỏi, một ông là cống-cử có tiếng, có thể làm khuôn phép được, nên Ngài mới bỏ cho chức ấy.»

Năm Ất-dậu (1825), tháng giêng, quan Tế-tửu Trần trọng Tuấn - Tư-nghiệp thân văn Quyền vì dạy bảo không chăm, tuyền-cử không minh, phải truất.

Ngài khiến các quan ở Quốc-tử-giám phải lựa cử Giám-sinh, tùy tài mà dùng, phân biệt kẻ hay người dở. Hạng ưu năm ấy

là bọn Nguyễn quốc Tà bầy người được thọ làm Kê-m-thảo Hạng bình ở lại học. Hạng thứ đình một tháng bằng còn bặng

trường Quốc-tử-giám và sự kén trên học sinh.

Nhưng chương-trình học như thế nào?

Số học sinh là bao nhiêu?

Còn các khoa-thí lấy cử-nhan, tú-tài, tiến-sĩ, phó-bảng thời có gì là đặc-sắc không? Trong chương-trình có gì thay đổi để cho lối học cử-nghiệp «bù lậu» duy tân đi không?

Tôi rất tiếc là không tìm được một tài liệu nào cả.

Sự học của ta vốn theo chữ Hán, các chữ ngoại quốc không được học. Vì có là ta không biết và cũng không muốn biết các chữ đó.

Nhưng vì thỉnh thoảng có tâu ngoại-dương tới cửa Hán nên vua Minh mạng cho học tiếng ngoại-quốc để đạo dịch.

Ta đã học chữ và tiếng ngoại quốc như thế nào?

Sử chép rằng:

Năm Ất-vị (1835), tháng bảy, Ngài dụ bộ Lễ như sau này:

«Xưa có chức Ký, Đề, Tượng, Dịch (đều là chức thông-ngôn

nhưng vì mỗi người thuộc tiếng nói và chữ viết mỗi phương cho nên tên gọi khác nhau) hiểu (Xem tiếp trang 11)

CHỐNG GIẶC ĐÓI

Ngàn mẫu vùng xuôi, ôi thảm trạng!

Ngẫu ngẫu sóng cuộn, nước mênh-mang.

Chìm bay, mỗi cánh, không nơi đậu

Nước vùn mây trời, bóng ngồn-ngang.

Đói! Đói! Ngập trời vạn khóc than.

Hòa-mẫu tan-rã, mái-tranh tan!

Dâu cây chết dở bao sầu khổ

Nước giá băng-dông, gió lạnh hồn.

Bớt một lưng cơm, manh áo thái,

Đồng-bào tiếp sống lớp dân đen!

Và lòng quyết diệt bầy Ma Đói;

Ấy, Đói no-nê, Đói lộng quyền!

NHẠC-THÔNG

liệt thời thái vồ.

Tài-liệu ở trên cho ta biết là vua Minh-mạng rất chú-trọng tới sự kén chọn quan vào dạy học ở

Một Trạng-nguyên dưới triều Tự-Đức

VŨ DUY THANH

(1807—1859)

THI-NHAN

KHOA không lấy Trạng - nguyên, cũng như quan không đặt Tể - tướng, đó là hiến - pháp của Nguyễn triều. Vậy triều Tự-Đức làm gì có Trạng-nguyên? Thế mà có Trạng Kim - bồng Vũ - duy - Thanh.

Vũ-duy-Thanh tự là Trưng-Phủ, hiệu là Mai - khê, người làng Văn-bồng — ngày trước là Kim-bồng — phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh - bình. Tổ - phụ húy Tiên, chữ Cảnh-thuần Huyện-thủ, lấy con gái quan Tham-Mưu họ Nguyễn-tử xã Thư-diên, thân-phụ Lúy Trình, đỗ Phủ-sinh, lấy con gái cụ Hương-côi họ Hoàng xã Yên-kì. Họ Vũ vốn nghề nông từ khi tổ ông giao với họ Nguyễn họ Hoàng là hai nhà khoa-tọa ở Ninh-bình, mới theo dõi nghiệp học. Ông Vũ-duy-Thanh, sinh ngày mồng 9 tháng 8 năm - Đinh-Mão đời vua Gia - Long 1807, húy bé, thụy hiệu khác trước năm 14, 15 còn để biết đời ông vẫn là khoa cử, học giỏi, qua một lượt là 850, số điểm được 800, an - h. Vũ-duy-Thanh nhà khoa học thi đỗ đầu như ông anh đỗ

trước, lấy chân Tù-lai thi bổ làm Huấn - đạo huyện Vĩnh-xương, sau thăng giáo thụ hai phủ Quảng-trạch và Trường-ti., ông mãi đến năm 35 tuổi mới đỗ tú tài, năm sau là khoa Qui-mão nên hệu Thiệu-trị thứ ba (1843) mới đỗ Cử-nhân. Sau khi hòng thi hội, ông càng chăm học chăm làm văn. Gặp tang mẹ, ông rất mực thương xót, hết lễ cư tang, hương đảng đều khen là người có hiếu. Mùa xuân năm Tân-Hợi, niên-liệu Tự-Đức thứ 4 (1851) ông thi hội đỗ Phó - bảng. bấy giờ đã 44 tuổi. Mùa Hạ năm ấy, vua Tự-đức mở Cống-khoa, lấy những bậc văn học ưu trường ứng tuyển địa phương khó có người như thế, số ứng cử chẳng được đầy trăm người, bèn đặc cách cho những người đỗ phó bảng khoa ấy đều được vào thi. Trúng cách 7 người, ông được xếp lên vào số thứ hai, khi vào danh đối vua Tự-Đức thân ngự ra đầu bài, cất ông lên đồ đầu sãi cho « Bậc-học Toàn-thứ đệ nhất giáp đệ nhị danh Bảng-nhơn Cống-sy cấp - đệ » được ban một là ở nhà, chứ « Bảng-nhơn thi Trạng-huyền,

nghĩa là đỗ Bảng-nhơn coi như đỗ Trạng-nguyên, Nguyễn triều không lấy Trạng nguyên. Lễ - bộ mới ban Bảng-quốc Chấ-khoa coi với Trạng-nguyên. Chính - khoa hơn một bậc, vì thế mới gọi là « Trạng-Kim-bồng ». Các lão Vũ-phạm-Khải soạn văn bia mộ ông có câu rằng : « Cát sỹ ở nước Nam ta, từ ông bắt đầu, Nhất-giáp ở tỉnh ta từ ông khởi thủy ». Hoàng - giáp Phạm - văn - Nghi cũng có câu đối đề mộ ông rằng : « Bảng-nhơn tại Trạng-nguyên, khoa danh thụy thủ, Văn chương kiêm đức hạnh, học giả ngưỡng chi », nghĩa là Bảng - nhơn coi như Trạng nguyên, khoa danh mới có Văn chương gồm cả đức hạnh học giả trông vào.

Ông bắt đầu được bổ Hàn-lâm-thi-độc rồi vào Tập-hiếu viện, sang Quốc tử-giám Tư-nguyên, sau thăng Tế-quy, cáo t. y Trạng-thuần đại-pau, trật cách 10 pt. Ngày mồng bốn tháng 10 năm Kỷ Vy nên niên Tự-Đức thứ 19 (1859) ông mất tại quán, thọ 52 tuổi. Thụy « Đoan-Cẩn.

Ông có hai vợ là chị em ruột họ Nguyễn-tử, chắt gái cụ Chắt. Trai sinh được hai trai, trưởng là Thám, cùng mất với ông một ngày, thứ là Hàm, bấy giờ còn bé. Vua Tự-Đức chán phê «đáng thương» ban một trăm quan tiền tuất gia một tháng lương, cho do diêc hộ tống về quê an táng, đi qua tỉnh nào, nha học chính tỉnh ấy phải dựng nhà tạm làm lễ diêu tang. Đến 17 tháng 5-giữa ông mới đưa về đến Vạn-hồng táng tại bãi «đuôi rồng» 6 năm sau các «t» cũng táng ở đây. Hiện nay mộ ông còn ở một, khu đất rộng độ 2 sào ruộng, tại cuối làng Yên-bồng, cách đường quốc lộ N-h-bình — Pháo đài chỉ độ 50 thước chừng quanh có xây tường và có nhà mộ, nhà hía, cột trụ, y như một nơi lăng miếu nhỏ? đó là công đức của Văn - thần phủ Yên - khánh xây dựng để kỷ niệm một bậc đại-khoa và danh sỹ gần đây.

Ông là n.ười bình tĩnh thực thà mà ngay thẳng, đối với người dễ dãi hòa nhã không hề tranh cãi, nhưng đến việc nghị luận tục t. và dị đoan, thì tất hết sức bài bác. Ông từ nhỏ đối với bậc đại-ân, cũng có một thẳng B. và sự khác ý kiến với mọi thì khinh dễ dễ bụng. Lúc ở Quốc tử giám, ông đã soạn điều trần t. n. mục: một là cần hạn phép dạy học lại các trường làng, hai là kén chọn tổng lý là lái ba là lập k. q. thóc và tư lương, bốn là nhiệm một việc dạy học nhà Trường

nhà Tự, năm là đổi lại phép thi hương, sáu là mở rộng phép dạy tại nhà quốc học, bảy là thân trọng việc kén chọn thầy dạy cho các tôn-sinh, tám là sửa định lại kinh sách để ban cấp. Lại tâu rằng: «Thánh-nhân ngày trước lập ra phép tắc, hẳn cũng thấy rõ những sự lý nên làm mà chẳng được chẳng làm, muốn đời theo đó mà không thể thay đổi, nay ban phép chỉ sợ chẳng chu đáo, mà làm p. ép chỉ sợ chẳng ưn thời. B. chẳng chu đáo thì làm chẳng tin, làm chẳng tin thì người ta chẳng biết đâu mà theo thì mà muốn cho phải phục lập sự dạy dỗ thực là khó. Phép tắc của t.ên-vương, thường lâu mà ci. ăng biến, là bởi b.ân thì chu tất mà làm h. tin, còn phép của đời sau, thay đổi không thường, bởi b.ân chẳng chu mà làm chẳng tin vậy cho nên ông Chu-công đêm ngày suy nghĩ, cũng chỉ lo thế. Vả thánh-nhân dựng phép, tất n.ân theo thời, nay b. hạ cao minh, Triều-dinh nhân hạ, dưới lúc miếu đường khuyến khích chính là buổi nhân tài cỏ vũ ph.ấn hưng. Thế mà phép dạy chưa có lời l.ân nhất định, thì nên suy t.ận căn nguyên sự lập pháp, xét rõ thứ tự sự thi hành phương p. áp, dựng mà chẳng trái theo mà ci. ăng làm để r.ũ điển hình cho đời sau, ci.ũ ci. ăng nên chỉ lấy một điều một ti.ể b. trợ ci.ũt định mà thôi». Tờ s.ớ ấy giao xuống Lễ-bộ nhưng rồi không thi hành.

Báo mới

— Tiến hóa tuần báo ở phố Hàng Bội số 257 Hanoi.

— Đồng ruộng cơ quan của nông gia cứu quốc — 127 phố Lê Lợi.

— Chiến thắng (t. báo «Quân giải phóng» đổi tên

— Dân nguyện, cơ quan hiến thiết t. quốc: ở Haiphong.

— Trẻ em tuần báo ra ngày thứ tư — 169 — chợ R.âm Hanoi — chủ nh.ệm Phạm văn Xung

— Tân thế kỷ tuần báo số đầu đã ra ngày 5-11-45 chủ nhiệm Trần an (l.ân — Tòa soạn 64 Hàng Trống Hanoi

X. n. có lời chào mừng các bạn đồng nghiệp mới và giới thiệu ch.àng các bạn đọc.

TRI TÂN

Khoảng năm Tự-Đức, l.ân binh nước P. áp phạm t.ửu h.ê Trà-úc, ông kh.ảng kh.ải nói rằng: «Cái là giáo ngày nay đời xưa chưa từng có, sự th.ế sau này, chỉ tranh nhau ở ch.ế với loài t.». Rồi ông d.ài g. s.ớ, mặt t.âu thời sự dai yếu lấy sự tất phải đánh làm định cục. S.ớ ầu không bao, b.ãi thảo ông d.ối di nên không ai được đọc. Từ đó ông đêm ngày mai m.ệi với binh thư, lo n.ãi h.ện ra s.ớ m.ặ, ông đem tiền lương mua các v.ậ liệu như t. c. p.ổ nh.ững t. c. o. c. á. n. t.ự.ế ch.ế ra s.ớ t. h.uyền d.ùng về th.ủy t. h.ết h.óa công, đương d.ịnh đem các h.ọa (Xem tiếp trang 12)

Tinh thần thượng võ

(Tiếp theo trang 3)

Nguyễn-Trung, người huyện Phong-diễn, phủ Thừa-thiên, có dũng lược. Năm 1853 mộ vào học, khi tuyển vào phong vệ, vì am tường nghề võ, sát hạch được ưu-hạng, bổ đội-trưởng, theo quan quân vào Quảng ngãi dẹp giặc, bắt chết được hai tên giặc mọi, được thăng cai-đội, sung quân thứ tỉnh Bến loma Thường có chiến công, được thăng vệ-úy. Năm 1883 thụ hàm chương vệ cùng với hữu-quân là Lê-Sĩ thống-chế là Lê Chuần đem quân ra giữ cửa Thuận-an đến khi thành Trấn-bãi thất thủ, Nguyễn-Trung cùng Lê-Sĩ, Lê-Chuần đều chết (Đ. N. I. tr., q. 41, tờ 20b 21 a).

Trần-Đôn, người huyện Từ-lâm, tỉnh Hà-nộ. Năm 1878 đỗ cử-nhân, bổ hàn-lâm-viện tu-soạn; thăng tri huyện Yên-dương. Năm 1883 tuyển quân Pháp ở Hải-phòng tiếm Hải-dương, bắt Trần Đôn dẫn đường, Đôn không nghe, gieo mìn xuống sông mà chết, việc ấy đến triều-đình, năm 1884 thăng tước tể-thi-giảng (Đ. N. I. tr., q. 41, tờ 22 b).

Nguyễn-hữu-Huân, người huyện Kiến-bưng, tỉnh Định-tướng. Năm 1852 đỗ thủ-khoa thi hương, làm quan từ chức giáo-thụ, dần dần thăng đến phó-quân-đạo. Năm 1868, Nam-kỳ lục tỉnh có việc, Hữu-Huân chiêu mộ nghĩa binh để mưu toan việc khôi phục, việc tiết lộ bị người Pháp bắt, đẩy ra ngoài bờ, bảy năm tha về, lại cùng Âu dương-Lân tụ họp được ba nghĩa quân, thường chống

cự với quân Pháp, sau lại bị bắt, Hữu-Huân và hơn một trăm người đều-mục đều chết (Đ. N. I. tr. q. 41, tờ 18 b).

Phạm-văn-Đạt người Tân-thành tỉnh Định-tướng, năm 1848 đỗ cử-nhân, năm 1860 quân Pháp đánh phá thành Gia định, Đạt cùng với hương thân (bọc tro trong làng) là Lê-cao-Dũng khởi nghĩa mộ quân dũng-sĩ để đánh lại; sau bị bắt, hai người cùng không chịu khuất mà chết cả, quan tỉnh tâu vua nghe, vua Tự-đức lấy làm thương xót, có dụ rằng: « Bọn Đạt một người có tên trong sổ khoa mục, một người có tên trong sổ hương thân, không phải như những hạng ngôi cao lộc hậu, trước đã ngầm mộ nghĩa dân để làm việc, nghĩa cử đáng khen, kíp đến khi bị bắt lại không chịu khuất, người thì nói to để cứu giặc, người thì ngậm miệng lặc đầu không chịu sống thuộc mệnh của giặc, lòng trung kiên kích thích, coi cái chết như không; những khí-tiết ấy làm cho những kẻ thân sinh phải đau đớn chán, khiến cho những người làm việc nghĩa được thêm mạnh những bậc móc lưỡi moi ruột đời xưa, tiếng thơm không mất, ngày nay lại thấy ở bọn Phan-Đạt Lê-Dũng, Trăm nghe mà thương xót mà ngợi khen, giao đình-thần chiền theo hạng ưu mà tặng tước, đề cộ võ cho thế tục, Phan-văn-Đạt truy tặng hàm tri-phủ, cấp tiền tuất 40 lạng bạc, Lê-cao-Dũng truy tặng hàm xuất-đội, cấp cho 30 lạng bạc tiền tuất, đời khi yên việc, sắc lập đền ở nguyên-quán để thờ cúng, xuân thu quốc

tổ, sự-trạng thì giao sử-quân chép thành truyện. Vua Tự-đức lại ngự chế bài thơ cổ-phong 72 vần và chép sự-trạng, thông lục cho sĩ-thứ sáu tỉnh Nam-kỳ đều biết. Sau được thờ ở đền Trung-ngĩa (Đ. N. I. tr. q. 41, tờ 15 a b).

Hoàng - đình - Nho, người huyện Phong - diễn phủ Thừa-thiên, lúc nhỏ tập võ-nghe. Năm 1845 vào lính, năm 1855 thi võ, trúng võ cử, bổ chức hành-lưu vệ Kim-ngô liền thăng cai-đội, năm 1866 ở Bắc-kỳ có bọn giặc hồ, Đình-Nho đi dẹp đặc lược, được thăng quân-cơ Quảng-nam, năm 1872 giữ đồn Diêu-bãi, quân Pháp xông vào đồn phá, Đình-Nho cố sức chống cự đặc-lược, được thăng lĩnh-binh Blah-dinh để đi dẹp giặc mọi, đến khi xong thăng đề-đốc Hải-phòng, năm 1883 đem quân đi dẹp giặc hồ, giặc lên bờ đánh nhau, Đình-Nho bị chết tại trận, vua Tự-đức thương là chết vì việc công, truy tặng hàm thống-chế. (Đ. N. I. tr. q. 41, tờ 9b 10a).

Trần - Tuyên, người huyện Hải-lăng tỉnh Quảng-trị Năm 1841 làm bố chính Vĩnh-long, dò thám được quân ở cơ Long nhuệ giao thông với giặc, Tuyên đề cho án-sát là Nguyễn-dăng-Sĩ giữ thành, tự mình đem hơn nghìn quân đến Lạc-hóa bắt giặc, giặc họp tất cả đồ đảng để chống cự, Tuyên chia ra năm toán để đánh, đột được những bộ lạc của giặc cũng nhiều, đến tối đem quân về đến nô-dộng quan quân đi hàng chữ nhất, tự nhiên gió mưa tối sầm lại, phục binh của giặc bốn mặt nổi lên, quân sĩ sợ tan hết, vệ-úy là Lê-kỳ ở đường bên hữu trông thấy mà

không giãt tiến, quân giãt ta lại giãt bừa, Tri-huyện Trà-vinh là Hoàng-hữu-Quang cũng thấy Tuyền bị giãt hãm, Quang cầm gươm nhảy vào vòng vây, hai người cũng bị giãt giết, vua Tự đức nghe tin, cho là Trần-Tuyền chết tại bộn lòng đức Bửu-công-Nghị dùng rằm cho uân hồng việc, khiến trặc rất nặng. Con Trần-Tuyền là Trần xuân-Hòa cũng chết về việc nước. Xuân - Hòa đỗ cử-nhân năm 1848, sơ bổ tri-phủ lĩnh đạo Định-tướng. Xuân - Hòa thường mộ dũng sĩ để giết quân Ma tá đến sáu lần, được thăng thi độc học-sĩ. Lúc bấy giờ quân Pháp vào Định-tướng xuân-Hòa đem quân binh bị ở đèo ra đánh bị bắt căn cứ rồi mà chết được trưng tọng quang lộc tự khanh. Vua Tự - đức dụ các quan bộ Lễ rằng ; « cha con Trần - Tuyền là - người tiết nghĩa, tiếng thơm làm vẻ vang trong sử sách, thật là khó được người như thế, chuẩn cho thờ vào đền trong nghĩa (Đ. n. l. tr. q. 40, tờ 23 a đến 24 a).

- Nguyễn-đức - Chung người huyện Hương-lá phủ Thừa-thiên, lúc nhỏ đi học, năm 1816 đi vào lĩnh Hồn-phong, trong đời minh-mệnh (1828-1840) từ cử, đời thặng đến vế-úy, năm 1845 thăng lĩnh-binh lĩnh An-giang, năm 1847, cửu bề Đa-nhân có quân Tây-dương đến sinh sự Đức-Cuong đi về Đa-nhân dễ dân, dẹp, bị chết tại trận, năm Ấy Đức-Cuong thọ sáu mươi tuổi, truy tọng Chương-vệ, cấp tiền tuất và tể ở đền Trung nghĩa (Đ/ n. l. tr. q. 40, tờ 7 b)

Có nhiều vị nữa, không thể

VUA MINH MẠNG VỚI VIỆC HỌC

(Tiếp theo trang 9)

tiếng nói và phong tục các nước khác nhau.

Triều ta nay giáo-thành ra khắp bốn phương, phần nhiều các nước ở phía Đông, phía Tây đều treo núi vượt khơi tới chầu, vậy nên cần kẻ tập quen tiếng nói và chữ viết ngoại-quốc để thông-dịch.

Nay cho những ấn-quan các bộ viện. Nội-các, đều xét trong

chóp bút. Tuy những truyện trên này, nghe không lấy gì làm vui, nhưng đó là một lối riêng của ta chép sử như thế. Xin độc-giả nhớ cho rằng : Những vị nào đã được chép truyện vào sử, là người có công to, đức lớn, hoặc tấm lòng trung nghĩa đáng làm gương cho đời. Tôi theo đúng nguyên - văn, không dám thêm bớt, sợ mất ở sử bút ; còn lòng quán, chức tước, và nơi làm quan, mà cũng dĩ-h cả là để làm tài liệu cho các nhà khảo cứu, thí dụ muốn biết công-ngh ệp và sự trạng một vị nào, thí cứ đến hồ-tron châu hoặc những dân thuộc quyền, may ra lại tìm được tài liệu có ích.

Nói rái lại, cái tinh-thần thông thạo của dân Việt - nam ta có đã rõ ràng. Chính những chữ « hy sinh » của ta bây giờ, là chữ « trung » chữ « liệt » đời xưa đó, anh em Nam-bộ đã hiến thân cho nước đã không có sám-lãng. Sau này sẽ có dịp chép làm một quyển sử trượng nghĩa hiện thời.

Ông học NGUYỄN VĂN TỐ

tử-độ các thuộc-viên, quan Phủ-đoãn xét dân trong hạt, lựa những kẻ từ 16 tuổi sắp xuống mà tính chất lanh lợi, lại học thông kinh, sử thời bộ phải kò tên làm tên.

Triều-dinh sẽ cấp lương cho học-tập uổng nói và chữ viết các nước xa gần, chờ khi học-tập đã thành mà lại có tài trí, kiến-thức sẽ xét dùng làm việc ».

Ngài lại truyền Nội-các rằng :

« Chữ Âu châu chỉ có 26 chữ cái, nếu hiểu được 24 chữ ấ thời chữ khác cũng tự đó mà suy ra, học tập cũng chẳng khó gì ».

Rồi ngay tháng chạp, Ngài truyền đổi Công quán Thừa-thiên làm quán Từ - dịch, cho ti Hành-nhân và những người Thông ngôn các bộ đều phải tới đó ở luôn, trách cứ các nha phái lựa từ độ những thuộc-viên và sĩ - dân làm học trò trong sở ấy. Sửa đặt chương-trình, khiến cho học tập tiếng nói và chữ các nước ngoại-quốc.

Năm Bình-thán (1836), tháng năm, Ngài định chương - trình dạy học (trò quán Từ-dịch học tập văn-tự ngoại - quốc như sau này :

Mấy tháng đầu thời học chữ Tây mỗi ngày hai ba chữ, chữ Xiêm mỗi ngày bảy, tám chữ.

Đến năm tháng sau mỗi ngày học chữ Tây sáu bảy chữ, chữ Xiêm mười một, mười hai chữ.

Rồi Ngài khải đế kinh Bình-thuận, Hà-nội, Tuyên quang lựa con em dân trong hạt cho học tập tiếng nói chữ viết người Chăm người Bô-ni, người Tà-ô, người Tà-lơ, phòng khi phiên-dịch.

Theo các tài-liệu ở trên, ta nhận rõ là vua Minh-mạng sở dĩ cho học chữ và tiếng ngoại-quốc vì « Triều ta nay giáo-thành ra khắp bốn phương, phần nhiều các nước ở phía Đông, phía Tây đều trở ra vượt khỏi bờ biển » Ngài cần có « kẻ tập quen tiếng nói và chữ viết ngoại-quốc, để phiên-giải thông dịch. »

Vậy mục-dịch sự học tiếng và chữ ngoại-quốc — mà chỉ có một số rất ít người học thôi — là để thông dịch.

Không phải học để biết văn-minh nước người, để so sánh người với ta, hòng sửa cái xấu của ta và bắt chước cái hay của người.

Các nước ngoại-dương mà vua cho học chữ và tiếng thời — theo chính bởi Ngài — chỉ là nước ngoài « giáo-thành » của nước ta mà « đều trở ra vượt khỏi bờ biển »! Ta cần gì phải bắt chước họ?

Mà sự học chữ và tiếng ngoại-quốc lúc bấy giờ chắc thế nào?

Ài làm giáo sư? Sách giáo-khoa như thế nào?

Chương-trình học: chữ Tày: « Năm tháng đầu, mỗi ngày hai ba chữ, năm tháng sau, mỗi ngày sáu chữ » rất là sơ lược vậy. Mà học như thế trong bao nhiêu năm? Có thi cử gì không?

Một người « mười sáu tuổi xếp xuống » học - tập như thế vài ba năm, dăm năm thời giờ lắm cũng như học trò lớp nhất trường tiểu học bây giờ là cũng.

Rồi ra lĩnh chức thông dịch! Trong các khoa thi hương, thi hội không có khả năng tiếng ngoại-quốc.

Về cuối đời vua Minh-trang, các viên thông-dịch có ra ngoại-dương thương thuyết việc quan và có khi ở lại xứ ngoài để học tập. Đó là trường du học sinh!

Thi-dự năm Ất-vi (1835), thông-dịch, mười một, Ngài khiển Tián-sư vệ-vân Nguyễn văn Chừ, Nguyễn thị-vệ Võ-huynh Dung đem theo tên hiệu-lực Trần danh Eru đi hầu Linh-phụng qua nước Tây-thương-thuyết việc quan. Thông-ngôn Nguyễn văn Mẫn và người làm việc sở Trú-diện là Trần đại Trung, Nguyễn Lưu Quang đi theo thuyền hầu ấy qua Hạ-châu học-tập.

Năm sau Bình-thần (1836) tháng mười một, Tián danh Bưu Hoàng tôn Tài và Nội-các Tián-lang Nguyễn tri P hương, Tián-vệ Võ-vân Gai chia nhau đi mấy hiệu hầu Thụy-ong, Linh-phụng, Văn-bằng Thanh-loan, qua Giang-lưu-phá, Tân-da-ba, và Cù-lao Bình-lang (?) làm việc quan.

Các viên thông-dịch được đi ra ngoài và có khi ở lại học tập, có giúp ích gì cho sự học thời bấy giờ không? Chắc không, lại rất ít vậy.

Ta có thể kết luận — mặc dầu tài liệu thiếu thốn — rằng Âu-học lúc bấy giờ, nghĩ là trước đây một thế kỷ không có một

chất ảnh hưởng gì đến học vấn của ta cả. Như sau thời sự cải-cách học vấn của ta, do vua Minh-mạng dự định năm Quý-vi 1823 sẽ xảy ra trong phạm vi nhỏ học má thời. Sự cải-cách đó không có thể có hiệu quả mới lạ được. Và, sự học « hiện đại » hoàn « hiện ».

Xem lại nhời dụ của vua Minh-mạng năm Quý-vi (1823), ta nhận thấy là Ngài chỉ thích sự học cũ-nghịệp, « hiện đại »; ý Ngài như trên kia tôi đã nói, cho là học cũ sử Trung-hoa không có ích lợi, chỉ nên học kim sử má thời. Kim sử Trung-hoa « gần » trong thời gian, cũng như sử Trung-hoa « gần » trong không gian vậy, học gần đó ra là thôi.

Sự cải-cách của Ngài chỉ có lẽ chú trọng tới sử nhà Nguyễn, nhà Minh, nhà Thanh. Cũng Ngài ham học sử các triều ấy. Chính Ngài có nói: « Cổ một ngày ta chợt nhớ việc nhà Minh. »

Ngài học sử như thế nào?

Có phải để tìm trong sử Minh-triều những bài học chính-trị không? Hay chỉ để kiểm nghiệm giai-thoại lý-thú? Những giai-thoại lạ chứ không thường, mới chứ không cũ?

Tôi không dám giả nhời, chỉ sao ra đây một tài-liệu mà tôi thấy chép như sau này. Tôi tiếc là không tìm thấy tài-liệu nào thêm.

Năm Canh-ii (1830) tháng mười một, nghĩa là một tháng trước khi Ngài sơ, Ngài làm triều dậy Thị-thần rằng:

« Vua Minh Thái-tổ tánh nghiêm minh, hay giết người.

(Xem tiếp trang 18)

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN THỊ BÍCH

Số 11

Unq-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

Hãy đang tin tức trông mong,
Bỗng đã có thấy số phong đăng vào.
Ngày hai nước tâm mới trao,
Văn-Tường nhân gửi xin man phần hồi.
Chiếu an (1) các việc xong rồi,
Pháp quan khiến khá hầu người hồi loan (2)
Thánh-trì đều thấy, giao hoàn,
Xin làm bao-hộ, ngõ xin giúp phò.
Phán rằng: « Lý ấy có mô ?
Họa là trời xuống phúc cho chằng là.
Vả nay chúa-thượng đời xa,
Phải đòi trở lại cùng ta đồng đoan. »
Bèn sai thị-vệ bằng ngàn,
Tin cho đảng biết phải toan kíp hồi,
Tiếp liền Tôn Thuyết tư lai,
Trách rằng: « Các gã làm lời Nguyễn vắn,
Đã không biết lý phải chằng,
Một lòng cùng giặc gian thần mà nghe
Nếu mà nghe xưa lời kia,
Nay gươm ba thước quyết lia chằng đung. »
Các quan sau sát hãi hùng,
Tới lui hai ngã, đều cùng sợ o,
Kể theo Tôn-Thuyết một bề,
Bàn rằng: « Việc ấy phải gì chưa tin. »
Ngày ba mươi lại tiếp liền,
Văn-Tường sợ quỵ kíp xin phần hoàn.
Thánh-tám (3), quyết định mới truyền:
« Chúng người nên khá Hứa toan rước về.
Nói chi thì cũng chờ nghe,
Vả ta ý chỉ, sợ gì đó vậy. »
Các quan phụng mệnh lo thay /
Một người Trương-Đế gửi rày xin đi.
Ba ngày trông chẳng thấy chi.
« Hân là cố ý diên trì man khinh,

Vì người mưu sự chẳng thành, (4)
Lại toan sang chước giữ mình lánh xa.
Nếu mà chờ đợi dần-dà,
Thất cơ o nổi việc ra khó lòng. »
Bèn truyền chúng thấy hội-đồng,
Phải lo hộ-giá lững cung tiền hồi (5)
Nay ta về trước thử coi, (6)
Đường nào rồi sẽ liệu bài rước vua »
Các quan nghe lệnh sợ lo:
« Xin vâng Thánh chỉ dám mô trễ tràng »
Nguyễn-Hunh sẽ rày nói bàn:
« Nay về nên phải lên đường nửa đêm.
Mới là thận-mật khỏi hiểm »
Thoáng qua đã biết lòng tiếm đị-mưu.

(1) Chiếu là vời an là yên, nghĩa là chiếu dụ nhân dân về an-cư lạc-nghịệp.

(2) Hồi là về, loan là nhạc ngựa xe vua đi thường bộ nhạc ngựa, nên gọi là loan. Về sau những xe của mẹ và vợ cùng con vua cũng dùng chữ loan.

(3) Thánh-tám là lòng thánh tức lòng vua, ý nó vua quyết định.

(4) Câu vì người mưu sự chẳng thành, lại toan sang chước giữ mình lánh xa, bản nôm của trường Bắc-cổ sao được (số AB 193, từ 72 b) có phê hai chữ « xáo đáng » nghĩa là đáng lắm, ý nói chính trong lòng Trương-Đế cũng muốn như thế.

(5) Hộ là theo đuổi; giá là ngựa kéo xe, giá lệ có nghĩa là vua đi. Hai chữ « hộ giá » thường dùng về nghĩa đi theo xe vua. Ở bài này nghĩa là hộ vệ hai bà mẹ và vợ vua Tự đức về kinh-thành trước.

(6) Câu « nay ta về trước thử coi, đường nào rồi sẽ liệu bài rước vua », bản nôm phê câu « Trí tại khôn nguyên, vạn kiến chi đoan » nghĩa là « Rốt cuộc thay bậc khôn nguyên, chằng vạn sự quyết đoán quả kền », ý khen thái hậu có lòng quyết đoán như bậc trượng-phu.

Quở rằng: Tăm tối đi đâu?

« Hay là người tình gạt nhau lý nào? »

Không nghe xem thử làm sao,

Lập mưu yêu kiếp 7) há nào ra chi? »

Thấy ngài thái hậu sinh nghi,

Cái đầu chịu quở, lánh đi một bề.

Quán quan sắm sửa hầu về.

Đến ngày mồng g bốn hội lễ hồi-loan,

Tĩnh-thần Trương-Hải (8) hổ-hoàn,

Khước thanh lất đạo một đoàn thẳng vô

Trái qua làng mạc chỗ mở,

Trẻ già hơn hờ mừng vì lại về

Mồng năm mới ở kinh-kỳ 9)

Vào nhà thích lý 10) mới khi tạm đình.

Thiện 11) rồi khởi giá tiến hành,

Đoái xen phong cảnh động tình cảm thương

Khiêm-lãng (12) lên thẳng một đường,

Quanh hiu cung điện khói hương lạnh-lung,

Ngậm ngùi chỉ viết đau lòng,

Khôn cầm châu lệ 13) dòng dòng tuôn dơi.

Bểng đầu bèo nổi sóng vùi,

Tan rồi lại hợp ở rồi khi đến vay.

Cũng nhờ đức cả cuo dấy

« Cát nhân thiên tướng 14) ở đây vững an

Trùng-phùng xiết nỗi bi hoan,

Khang cường mừng thấy gian nan chỉ nai.

Khiêm-cung mau đặng phúc hồi,

Tên đầy sống chết chẳng rời chẳng xa.

Thỉnh an (15) phi chính tâu qua,

« Còn như việc nước rồi ra sẽ bày »

Sớ dưng kể việc bấy nay,

« Cầm quyền xin phải tam rày thù giết liêm.

Ngô (16) cho việc nước đặng êm,

Lần hồi sau hãy rước lên ấu quán »

Phiến từ mọi việc để dưng (17)

« Giám xin ý chỉ kị tam tuần thi hành (18)

Giận tày dân chẳng phục tình,

Vấn-thần với đạo trạch hành giết nhau (19)

Thừa-cơ phá huyện cướp châu,

Làm chủ lễ-thư lo đủ nghiênh nghêo:

Vu tôn phò Cát dưng nhan (20),

Làm nghe ưỡng sít mang điều bất cộng

« Ai-hòa khắp dụ khuyến cùng,

dân chẳng khảng thuận lòng lạ thay (21) »

Đẹp loàn phải cậy người Tây.

Sinh-linh (22) lán-hai chầy ngày chưa an.

Rước vua nay kịp phải quan,

Ai ngờ Tôn-Thuyết đem đảng lánh xa.

Quanh co tìm kiếm chẳng ra,

Thượng-du nổi núi rất là khó đi.

Thăm dò may gặp có khi,

Giữa đường lại bị cướp đi biệt lòng.

Đồn nghe chiêu dụ tâng bằng,

Phi tư (23) các tỉnh lã lừng cần vương (24)

Huyền truyền hưởng ứng bốn phương.

Đổ loan cử nghĩa tráng cường (25) cơ đồ.

Còn đang trông mong tin-tức, thì bỗng thấy cổ sớ dâng lên hôm ấy là hai mươi tám tháng năm (sách Delvaux chép là 11-7-1885. Trong sớ Nguyễn-văn-Tường tâu « xin hồi loan ngay: các việc hiền dụ nhân-dân, an cư lạc nghiệp, đã xong cả rồi, người Pháp nói xin rước ngài về, sẽ giao trả tất cả thành trì, chỉ xin làm bảo hộ giúp đỡ mà thôi ». Thái hậu phán rằng: « Không có lý gì như thế, họa là trời có giáng phước cho chàng. Vả lại, hiện nay Chúa-thượng còn lánh ở nơi xa, các người phải mời ngay trở lại, đề cùng về với ta ». Bèn sai thị-vệ đi tắt ngang rừng suối, đề tin cho biết, dưng lo toan đường về, thì vừa gặp công văn của Tôn thất Thuyết tư lại, quở trách rằng: « Các người bị mắc mưu của Nguyễn văn Tường rồi! Đã không biết lẽ phải trái, lại nghe kẻ gian-thần cùng lòng với giặc! Nếu ai nghe lời Nguyễn-văn-Tường, thì lưới gươm ba thước này quyết không dung thứ ». Các quan ai nấy hãi-hùng, thật là tâu thoát lương nan; đảng nào cũng sợ cả. Những người về bẻ với Tôn-thất-Thuyết, thì bàn nhau rằng: « Việc ấy chớ nên tin » (không lý gì người Tây lại cho hòa). Đến ngày ba mươi tháng năm lại tiếp luôn một lá sớ nữa của Nguyễn-văn-Tường giục mau mau phản hồi. Thái hậu bấy giờ mới quyết định, dụ truyền rằng: « Các người nên liệu thu-xếp việc hồi loan đủ ai nói chi cũng chớ nghe, cứ vâng ý-chỉ của ta là được, không sợ gì ». Các quan vừa phụng mệnh vừa lo sợ. Một mình Trương Đổ tâu xin đi tìm vua. Đã ba ngày mà chẳng thấy tin tức gì, thái hậu đoán rằng:

« Chắc có ý làm cho chậm trễ, thật là đáng tội khinh mạn, vì hân mưu sự không thành, lại toan xoay ra kể đi lánh xa để giữ mình. Nếu mà ta cứ chờ-dợi rày lẫn mai nữa, lỡ đến lúc thất-cơ lại hóa ra khó lòng. » Nghĩ như vậy rồi truyền các quan phải hội-tề tất cả, để lo toan việc hộ giá lương-cung về trước : Từ-Dũ thái-hoàng thái-hậu, mẹ vua Tự-đức, và Trang-ý thái-hoàng-hậu, vợ vua Tự-đức. « Nay ta về trước thử coi thế nào, rồi ta sẽ liệu đến việc rước Vua ». Các quan nghe lệnh lấy làm lo sợ, ai cũng xin vâng thành chỉ, không dám trễ trằng. Có Nguyễn Hanh nói sẽ rằng : « Nay trở về, nên lên đường vào nửa đêm, thì mới được cấp mật, khỏi sinh niềm nghi ». Mới nghe thoáng qua, cũng đã biết là có tiếm tâm mưu khác, nên thái hậu quả rằng : « Đi đâu vào những lúc tối-tăm ? Hay là người lại lừa gạt ta ? Có lý nào như thế ? Tao thử không nghe xem ra rành sao. Những người lập mưu yêu-giá mà hóa là kiếp giá thì có ra gì ! » Thấy thái-hậu sinh nghi, Nguyễn Hanh chỉ dẫn chừa lời quả mắng, rồi lánh đi một chỗ. Quan quan sấm sửa đồ về, đến ngày mồng bốn tháng sáu họp đông đủ ở lầu Ngai Hối loan. Quan tỉnh có Trương Quang-Đán đi eo hầu, hai bên đường có quân tất đứng chực, hoàng-gia cứ thẳng vô kinh-thành. Đi qua những làng xóm đồng mạc, giá trở đều một lòng. Đến hồ, mừng vua-lại về. Sang ngày mồng năm

(Xem tiếp trang 20)

(7) Yếu là đón, kiếp là cướp. Vì có chữ yểu giá là đón xe vua, lại có chữ kiếp giá là cướp xe vua, nên dùng hai chữ ấy.

(8) Tất là quân tất, phép nhà Tần; khi thiên-tử đi trở ra có quân cảnh, đi trở vào có quân tất, tức là lính đứng trực hai bên đường cho sạch sẽ và cấm dân qua lại.

(9) Kinh là lớn, kỳ là cõi đất. Chỗ vua ở gọi là kinh kỳ, cũng như kinh-sơ, kinh-đô, kinh thành ở bài này là kinh-đô Phú-xuân. Phụng đạo có câu « thủ nhất kinh-kỳ thứ nhì phước Hiên » kinh-kỳ ấy là kinh-đô Thăng long.

(10) Thích-lý là nhà ở nhà họ ngoặt các bậc đế vương (đế vương ngoài thiên sở cư xứ), tức là làng của mẹ vua hoặc vợ vua.

(11) Thiện là cơm, hoặc bữa ăn; il khi dùng một chữ : ngự thiện là vua ăn, thượng thiện là dâng cơm, lễ thiện là làm cơm.

(12) Khiêm-lãng là lãng vua Tự-đức.

(13) Châu lệ là nước mắt đỏ như hạt châu, tức là khóc chảy máu mắt.

(14) Cát nhân thiên tướng là người tốt thì trời giáng.

(15) Thỉnh-an nghĩa đen là cần bình-gien, đối đối với vua hoặc con đối với cha mẹ thường dùng chữ ấy.

(16) Khử ngộ đặng là ngộ hân.

(17) Câu « Phiến từ mọi việc đến đặng » bản năm phê bốn chữ « quyền thần cổ sáo » nghĩa là « Sáo cũ của bọn quyền thần ».

(18) Khâm-tuân thi-hành là theo mà làm một cách kính cẩn.

(19) Câu « Văn-thần với đạo tranh nanh giết nhau » bản năm phê bốn chữ « kỹ chỉ thủ nhĩ » nghĩa là « chỉ được nghề (hết) » / Câu ấy phê không đặng. Nếu bấy giờ ai cũng biết giết đạo, thì làm gì có cuộc « bảo-hộ »?

(20) Con phò Cát tên là Đặng văn-Phổ, là con Đặng-văn-Cát và Thường sơn công-chúa.

(21) Câu « mà đặng chẳng khả lý nhận lòng lạ thay », bản năm phê bốn chữ « nhân âm khả thị » nghĩa là « lòng người khá vậy », ý nói lòng dân có thể trông cậy được.

(22) Sinh linh cũng như chữ sinh-dân, tức là nhân-dân, do chữ kinh Thi từ đời nhà Chu. Tổ nhà Chu là ông Hân Tắc (?) (hân là vua, tắc là lái, chữ Pháp dịch là millet à panicules) sinh ra nghề cấy cấy, dân mới có ngũ cốc mà sống nên gọi dân là sinh-dân để ghi công ông Hân tắc, ý nói dân được sống là nhờ ở người chế ra nghề cấy cấy.

(23) Phi-tư là từ tư nhanh như bay.

(24) Cần vương nghĩa là hết sức với nhà vua. do chữ kinh Thư : « Vương-Quý kỳ cần vương gia » nghĩa là « Vương-Quý » ông việc nhà vua ». Đời sau đem quân đến cứu viện nhà vua gọi là « cần vương ».

(25) Trùng là hai tầng hoặc nhiều tầng, g-gng là sáng. Hai chữ « trùng quang » do chữ kinh Thư nói đến vua Vũ-vương cũng sáng như vua Văn-vương. Nhưng hai chữ « trùng quang » ở bài này hơi khác là khôi phục cơ-đế.

BÀI DIỄN VĂN

(Tiếp theo trang 6)

lâu vì chúng ta có đủ nhiều điều kiện thuận tiện về địa lợi, nhân hòa trong cuộc đồ máu thiêng liêng vậy. Với chiến thuật du kích, với chính sách hết sức hợp tác, với toàn dân đoàn kết nó đủ đảm bảo cho một cuộc trong kỳ kháng chiến, để thu lấy thắng lợi cuối cùng.

Trái với sự mong mỏi của quân Pháp muốn kết thúc chiến tranh một cách mau chóng; hơn thế nữa, muốn bùng nổ cuộc chiến tranh trong khuôn khổ của một cuộc giải quyết địa phương, chúng ta phải làm cho gặp: Pháp nhận thấy một nước tiền sâu vào nội địa Việt Nam là một cuộc khảo sát; một nước tiến sâu vào nội địa Việt Nam là một bước khôn ngoan, mà chúng không dễ ăn tươi nuốt sống chúng ta một cách dễ dàng như 20 năm về trước nữa đâu.

Hỡi anh em đồng bào:

Không một nền độc lập nào trên thế giới mà không mua bằng máu. Máu dân tộc Việt Nam đã đổ trên 70 năm nay dưới gót sắt của đô hộ Pháp, và máu Việt Nam hiện tại đang đổ nhiều ở Nam Bộ và máu Việt Nam phải còn đổ nhiều hơn nữa, nếu chiến tranh lan rộng ra nữa.

Trên giòng máu thiêng liêng ấy, thế nào dân hoá tự do cũng phải nở.

Trên giòng máu thiêng liêng ấy, thế nào nền độc lập cũng phải xây.

Trên giòng máu thiêng liêng ấy, dân tộc Việt Nam thế nào cũng phải sống: thế nào cũng phải sống.

TRAN HUY LIỆU

VUA MINH MẠNG

(Tiếp theo trang 14)

Khi bà Mã hậu đau mà mất, vua Thái tổ thường xót không nguôi, giết hết bọn thầy thuốc. Đến ngày tống-táng, gặp trời mưa giông, không táng được, vua Thái tổ đòi bọn thầy tu giải tụng kinh cầu tạnh mà đã sẵn lòng muốn giết thầy tu. Thầy tu tụng cầu kệ rằng:

Võ thập, thiên thủy lục,
Lời minh, địa cử ai.
Thập phương chư Bồ tát,
Tương tòng Mã như lai.

Nghĩa là:

Mưa đổ trời sa lục,
Sấm vang, đất cử ai.
Mười phương các Bồ tát,
Đưa đám Mã như lai.

Thái tổ nghe, không nỡ giết bọn thầy tu. May mà trời tạnh, đòi thầy tu muốn ban thưởng thời thầy tu sợ đã chốn đi hết.

Lúc trước, Thái tổ mới khởi binh, vào chơi một chùa kia, thấy tu già hỏi yêu họ Ngài. Ngài đọc bài thơ trên và hỏi rằng:

Sát tận Giang-nam bách vạn
Thủ trung bầu kiếm huyết
Lão tăng bất thức Anh-hùng
Thượng cảm ngao ngao vấn
tánh danh

Nghĩa là:

Giết hết Giang-nam trăm vạn
Trong tay gươm báu huyết
Sư già chẳng biết người anh-
Còn dám ghen ngao hỏi tánh
danh.

Sau Thái tổ lên ngôi, đòi thầy tu già muốn giết thời đã chết rồi. Nhân hỏi bọn tăng chúng rằng: « Thơ ta để trên vách có sao

TRI-TẶN

không còn ? » Bọn thầy tu thưa rằng: « Thầy tu già đã rửa đi rồi, chỉ để một câu kệ rằng:

Ngự bút đề thi bất cảm lưu,
Lưu lai duy khùng quý thần
Cổ tượng pháp thủy khinh
khinh tằng,
Thượng hãm Long quang sự
Đầu ngư.

Nghĩa là:

Ngự bút đề thơ, chẳng dám
Lưu, thời chỉ sợ quý thần sâu.
Vậy đem nước phép hơi hơi
rửa,
Còn khi Long-quang gọi Đầu-
ngư ».

Thái tổ rằng: « Chưa biết thiệt không nhưng ta mới đi đến mà tăng chúng ứng khẩu đọc thành bài kệ được thời tha tội cho ».

Thái tổ lại nghe họ Trịnh người Phố-giang đã mấy đời ở chung, phép nhà rất nghiêm đòi đến bao khen, rồi cho về. Bà Mã hậu nói rằng: « Nhà ấy ở chung hơn 2.000 người, không hề trai chau chủ gì, thiệt là hòa thuận. Nhưng nếu âm-mưu làm điều tiếm-nghịch, há chẳng dễ lắm à ? » Thái tổ gật đầu, lại cho đòi họ Trịnh đến ngay, nói: « Có sao mà ở chung với nhau được lâu vậy ? » Trịnh thưa rằng: « Dân mọn này trị nhà không được gì lạ. Chỉ không nghe nhờ dân mà thôi. » Thái tổ cười rằng: « Phải đó » lại cho về.

Vua Minh mạng học sử như thế sao ? Hay nhân buổi Triều ít việc, Ngài đem mấy giai-thoại kể trên cho đình-thần cùng biết ?

NGUYỄN-THỊ-ĐU-LÂM

VŨ DUY THANH

(Tiếp theo trang 11)

trò dâng sớ lần nữa, nhưng chưa kịp thì mất, Hiện nay con cháu sinh tụ tại làng Văn-bồng, có nhiều người làm chính trị.

Tại mộ ông, trừ văn bia của cụ Các Phụng-trì và câu đối của quan Hoàng Tam-đăng, còn có thơ và câu đối của các văn thân cùng đề, xin sao lục và phác dịch :

THƠ

Mai khổ phu tử quá lâm tiên
Đương đại danh sư khoáng thế
hiên.

Tấu nghị bát điều kinh thuật phú.
Chế khoa nhất giáp đại danh
truyền.

Thúy Điền văn vật trung linh địa.
Hồng Lạc văn chương vị táng
thiên

Hoa biều tức kim do khởi kính.
Sùng nho tưởng kiến thái bình
niên.

Tuần Phả Phan-dinh-Hoà

DỊCH :

Tiên trong rừng quá « Trọng Văn-
bồng »,

Đời trước, đời này dễ mấy ông.

Tấu nghị tám điều tài rõ rệt.

Chế khoa nhất giáp tiếng vang
lừng.

Tô thêm phong cảnh vùng Điền,
Thúy,

Đền mãi Văn chương nước Lạc,
Hồng.

Hoa biều tới nay càng khởi kính,
Tưởng như đương gặp hội mây
rồng.

CÁU ĐỐI :

1

Chỉ khoa Đường Tống lai thiên
cử,

Cát sỹ Ngụ, Chu hậu nhất nhân.
(Trưng truyền của
một danh sỹ Trung-Hoa)

DỊCH :

Chỉ khoa, từ Đường, Tống đến
nay nghìn thuở.

Cát sỹ, sau Ngụ, Chu chỉ có một
người.

2

Long vĩ lạc thần b. tử hậu văn
chương di Các lão.

Thúy sơn bình tháp ký sinh tiên
tâm sự chứng Thăng-am,
Tuần phả Phan đình Hoà

DỊCH :

Thần bi khả bãi đước rộng, khi
chết văn chương danh Các lão.

Tháp Ký bản văn nớ Thúy, thuở
còn tâm sự tỏ Thăng am.

3

Tạo vật giả giu, vì tình vì văn vì
lân phượng.

Triết nhân dĩ thế, thử hoai thử
ảnh thử giang san.

Xã tài Nguyễn trọng Lễ

DỊCH :

Con Tạo cùng chơi, sao nọ mây
kia lân với phượng,

Người xưa đã vắng, lòng này cảnh
ấy nước cùng non.

4

Tổ-tháp bình bi văn hữu chủng,
Thiên-hồn kháng sớ thảo câu phần.

Cử nhân Phạm xuân Quang

DỊCH :

Tháp núi bản bia văn có mãi.

Cửa trời dâng sớ thảo ra tro.

Ký giả đã cơ đíp qua thắm mộ
ông, có lạm đề mấy câu, xin biên
ra đây đề thỉnh giáo cùng độc
giả :

Các cuộc hội họp Thanh
niên hàng tuần

Bắt đầu từ tháng Một 1945
Bộ Thanh - Niên sẽ tổ chức
những cuộc hội họp Thanh-Niên
hàng tuần hoặc ở Nhà Hát Lớn
hoặc ở Phòng Hội - Đồng Bộ
Thanh-niên (54 phố Trần-nhân-
Tôn tức Miribel cũ). Những
cuộc hội họp ở Bộ sẽ có tính
cách hội họp thân mật, khác
với những buổi tổ chức ở Nhà
Hát Lớn có tính cách giáo-dục
bao quát cả toàn thể. Ngoài ra
Bộ sẽ cho phát hành vào trung
tuần tháng Một một tờ báo cho
Thanh Niên lấy tên là « Thanh-
Niên Việt Nam », và sẽ tổ chức
những lớp huấn-luyện cho
Thanh Niên về cả phương-diện

Buổi họp đầu tiên sẽ tổ chức
ở Nhà Hát Lớn chiều thứ năm
8 tháng Một hồi 19g30. Anh Võ-
nguyên-Giáp sẽ nói về « Câu
chuyện trên khu giải phóng ».

Bạn nào muốn biết rõ hơn,
xin lại Văn-Phòng Bộ Thanh-
Niên số 54 Trần - nhân - Tôn
(Miribel cũ).

Khí thiêng nung đúc bởi non sông
Danh giá rừng nho cụ Trọng Bồng
Hai chữ khoa danh đề tháp nhện.
Muôn năm thề phách táng dưới
rồng.

Lập ngôn chẳng nát cùng bia đá.
Ái quốc còn bay tự khoáng không
Sự nghiệp văn chương là thế thế.
Khiến ai bằng diêu những đem
lòng

THI NHAM

HẠNH THỰC CA

(Tiếp theo trang 14)

lối kinh vào nhà thích-lý nghĩ tạm, dùng cơm rồi lại khởi hành. Đón ở ng phong cảnh mà động lòng cảm-hương, lên Khâm-lăng thì cung điện huy-quang, kh 1 hương lạnh lùng. Ngâm nghĩ x ất nỗi đau lòng, không ngăn giọt lệ, hai hàng như mưa! Lồng câu như hèo nổi nức sóng vù, mỗi người mỗi ngã đến bây giờ là tan rồi lại hợp, thật là ở trời su nầu. Được như thế cũng nhờ ở dư cao dày. S ả có chữ « Cát nhân thiên tướng » : từ rày chắc là yên-đón vững-vàng. Trong khi tráng-phùng biết bao nhiêu là nỗi bi-hoan! Thấy được mạnh khỏe là mừng, không k ể gì khó nhọc. L ỡ g-rung may về được Khâm-cung, từ đây trở đi dù sống dù thác chẳng đời chẳng xa. Chúc phụ-chính vào tàu « thỉ h an », rồi sẽ bày tỏ đến việc nước, dâng sớ k ể công việc trong khi đi vắng, và xin thái-hậu tạm cầm quyền, mong cho việc nước được êm, ngày một ngày hai sẽ đi tìm nước Âu châu trở về Trong phiên đã tâu rõ các việc, xin ngài ban ý chỉ để tuân hành. Còn về dân thì chẳng chịu phục tình người Tây, dâng văn-thần và dâng theo đạo tranh nhau giết nhau, rồi thừa cơ đi phá huyện cướp phá kia, làm cho dân gian sợ hãi. Lại vu cho con phò-mã Đặng-văn-Cát kết đảng làm loạn, nghe lầm giết oan, thật là bất công, cho nên khuyên dụ giải hòa mà dân vẫn không chịu theo (đáng khen dân trí bấy giờ!) sau phải nhờ đến người Tây dẹp loạn, thật là hại nhân dân mãi chưa yên! đáng thương chính-phủ bấy giờ phải mượn quyền áp-chế để hại nhân!) Một mặt phá quan ở nước vua, ai ngờ Tôn-thất-Thuyết đã đem đi xa rồi. Cờ quanh quần tìm ở nơi rừng núi và miền thượng-du, rất là khổ sở. Thăm hỏi dò-la may có k ịp gặp, thì lại bị Tôn-thất-Thuyết cướp đi giữa đường. Dân-gian đồn đây có chiếu dụ phi tử ra các tỉnh để khởi quân cầu vương: khắp bốn phương đều hưởng ứng, chỗ nào t ả ị được lòng lo toan việc khởi nghĩa để cơ-dễ lại được sáng sửa như xưa.

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 211

Tinh thần Thượng Võ	Nguyễn-văn-Tố
Đã tu điều trước	Kiến-Xương
Bài diễn văn của ông Trần huy Liệu	
Bộ trưởng bộ Tuyên truyền	
Con đường thủ thắng	Cách Chi phản dịch
Vua Minh-mạng với việc học	
(1820-1859)	Nguyễn-thiệu-Lân
Chống giặc đói	Nhạc thông
Một trạng nguyên dưới triều	
Tự-đức (1807-1859)	Thi-Nham
Hạnh thực ca (XI)	Ứng-học

GIẤ BẢO

Một năm	55\$00
Sáu tháng	30, 00
Ba tháng	15, 00
Một số	1, 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Đông Tân — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-dương